

Số: 18/NQ-HĐND

Sông Mã, ngày 18 tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT
Về kế hoạch đầu tư công năm 2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG MÃ
KHOÁ XX, KỲ HỌP THỨ 9

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm;

Căn cứ Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về Hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 119/2015/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 154/NQ-HĐND ngày 05/12/2019 của HĐND tỉnh Sơn La về Kế hoạch đầu tư công năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 2997/QĐ-UBND ngày 05/12/2019 của UBND tỉnh Sơn La về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020;

Xét Tờ trình số 1208/TTr-UBND ngày 11/12/2019 của UBND huyện Sông Mã tại; Báo cáo thẩm tra số 62/BC-BKT-XH ngày 13/12/2019 của Ban Kinh tế - Xã hội; tổng hợp ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND huyện tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định kế hoạch đầu tư công năm 2020 với những nội dung sau:

Tổng kế hoạch vốn năm 2020: 155.774 triệu đồng. Trong đó:

1. Kế hoạch vốn phân bổ đợt này: 152.074 triệu đồng.

1.1. Nguồn bổ sung cân đối: 17.847 triệu đồng.

- Hỗ trợ xây dựng nông thôn mới 1.000 triệu đồng.

- Thực hiện các dự án đầu tư: 16.847 triệu đồng.

1.2. Nguồn thu cấp quyền sử dụng đất: 15.000 triệu đồng thực hiện các dự án đầu tư.

1.3. Nguồn vốn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh ủy quyền cho huyện hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ: 4.000 triệu đồng.

- Hỗ trợ xây dựng nông thôn mới: 2.000 triệu đồng.

- Hỗ trợ các xã biên giới theo quyết định 160/QĐ-TTg: 2.000 triệu đồng

1.4. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 95.665 triệu đồng.

1.5. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 19.562 triệu đồng.

2. Kế hoạch vốn còn lại: 3.700 triệu đồng (nguồn thu tiền sử dụng đất UBND huyện trình Thường trực HĐND huyện quyết định phân bổ sau khi có nguồn thu nộp ngân sách huyện).

(Có biểu chi tiết 01, 02 kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao UBND huyện tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Trong năm có bổ sung về nguồn vốn phát sinh giữa các kỳ họp của HĐND, UBND huyện xây dựng phương án phân bổ chi tiết trình Thường trực HĐND huyện xem xét cho ý kiến trước khi quyết định và báo cáo HĐND huyện tại kỳ họp gần nhất.

3. Giao Thường trực HĐND huyện, các Ban HĐND, tổ đại biểu HĐND huyện, các vị đại biểu HĐND huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được HĐND huyện Sông Mã khoá XX, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 18/12/2019 và có hiệu lực kể từ ngày được thông qua. /.

Nơi nhận: 

- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch & Đầu tư, Sở Tài chính;
- TT. Huyện ủy, TT. HĐND huyện;
- Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện khoá XX;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện;
- Thường trực Đảng ủy, HĐND, UBND, Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, TCKH 80 bản.

CHỦ TỊCH



Lò Văn Sinh



BIỂU PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2020

(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 18/12/2019 của HĐND huyện Sông Mã)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
	Tổng cộng	155.774,000	
I	Nguồn bổ sung cân đối	17.847,000	
1	Hỗ trợ xây dựng nông thôn mới	1.000,000	Chi tiết tại biểu số 02
2	Thực hiện các dự án đầu tư	16.847,000	Chi tiết tại biểu số 02
II	Nguồn thu cấp quyền sử dụng đất	18.700,000	
1	Thực hiện các dự án đầu tư	15.000,000	Chi tiết tại biểu số 02
2	Kế hoạch vốn còn lại (UBND huyện trình Thường trực HĐND huyện quyết định phân bổ sau khi có nguồn thu nộp ngân sách huyện).	3.700,000	
III	Nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh hỗ trợ huyện thực hiện nhiệm vụ	4.000,000	
1	Hỗ trợ xây dựng nông thôn mới	2.000,000	Chi tiết tại biểu số 02
2	Hỗ trợ các xã biên giới theo quyết định 160/QĐ-TTg	2.000,000	Chi tiết tại biểu số 02
IV	Nguồn chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	95.665,000	
1	Thực hiện các dự án đầu tư	95.665,000	Chi tiết tại biểu số 02
V	Nguồn chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	19.562,000	
1	Thực hiện các dự án đầu tư	19.562,000	Chi tiết tại biểu số 02



BIỂU PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2020
(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 18/12/2019 của HĐND huyện Sông Mã)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư, đại diện chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết 30/11/2019	Nhu cầu vốn để hoàn thành dự án phân ngân sách Nhà nước	Kế hoạch vốn năm 2020									Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Nguồn bổ sung trong cân đối			Nguồn thu cấp quyền sử dụng đất	Nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ huyện thực hiện nhiệm vụ			Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững		Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới
											Tổng số	Hỗ trợ xây dựng nông thôn mới	Thực hiện các dự án đầu tư		Tổng số	Hỗ trợ xây dựng nông thôn mới	Hỗ trợ các xã biên giới theo QĐ 160			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=12+15+16+19+20	12=13+14	13	14	15	16=17+18	17	18	19	20	21
	TỔNG SỐ						468.793,163	116.073,531	333.224,656	152.074,000	17.847,000	1.000,000	16.847,000	15.000,000	4.000,000	2.000,000	2.000,000	19.562,000	95.665,000	
I	Dự án hoàn thành còn thiếu vốn						15.333,651	12.133,500	1.590,024	1.590,024	543,877		543,877		490,204	490,204		555,943		
1	Nhà văn hóa xã Chiềng Cang	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Chiềng Cang	Cấp III, 01 tầng	2018-2019	3712-30/10/2017	1.668,580	1.068,500	543,877	543,877	543,877		543,877							
2	Đường giao thông từ quốc lộ 12 đến trụ sở xã Yên Hưng	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Yên Hưng	Mặt đường bê tông, rộng 4m, dài 417m	2018-2019	3726-30/10/2017	1.890,000	800,000	490,204	490,204					490,204	490,204				
3	Thủy lợi Phai Sút xã Mường Sai	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Mường Sai	10,5ha	2017-2018	2719-21/8/2017	4.237,760	3.746,000	342,677	342,677								342,677		
4	Thủy lợi bản Sàng xã Mường Lầm	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Mường Lầm	29ha	2017-2019	2720-21/8/2017	4.745,545	4.185,000	90,266	90,266								90,266		
5	Thủy lợi bản Ta Lát xã Mường Cai	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Mường Cai	10ha	2017-2018	2723-21/8/2017	2.791,766	2.334,000	123,000	123,000								123,000		
II	Dự án chuyển tiếp						383.143,089	103.940,031	267.488,464	101.837,808	13.403,123	1.000,000	12.403,123	14.000,000	3.509,796	1.509,796	2.000,000	8.273,679	62.651,210	
1	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND, UBND xã Mường Cai	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Mường Cai	Cấp III, 03 tầng	2018-2020	3722-30/10/2017	10.050,000	5.728,508	4.321,492	3.933,636	1.933,636		1.933,636		2.000,000		2.000,000			
2	Kê Hội trường huyện + Cải tạo sân, đường vào khuôn viên Huyện ủy, UBND huyện, nhà làm việc các Ban xây dựng đảng, nhà làm việc khối đoàn thể	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Thị trấn Sông Mã	Kê Hội trường huyện + Cải tạo sân, đường vào khuôn viên Huyện ủy, UBND huyện, nhà làm việc các Ban xây dựng đảng, nhà làm việc khối đoàn thể	2018-2020	1487-26/6/2018	5.299,518	2.500,000	2.799,518	1.000,000	1.000,000		1.000,000							
3	Đường Biên Hòa (Đoạn từ bến xe khách Sông Mã đến cầu Nà Hin) thị trấn Sông Mã	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Thị trấn Sông Mã	Mặt đường bê tông, rộng 7,5m, dài 1.050m	2018-2020	3635-30/10/2017	14.926,238	4.498,764	10.427,474	7.542,872	5.542,872		5.542,872	2.000,000						
4	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND-UBND xã Nậm Mẩn	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Nậm Mẩn	Cấp III, 03 tầng	2019-2020	4098-30/10/2018	9.500,000	3.063,589	6.436,411	6.436,411	4.926,615	1.000,000	3.926,615		1.509,796	1.509,796				
5	Sân nền Khu 6, khu 9 thị trấn Sông Mã	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Nà Nghịu	6,95 ha	2017-2021	3632-26/10/2017	56.800,000	20.998,560	35.801,440	2.500,000				2.500,000						
6	Hệ thống đường giao thông khu 6, khu 9 thị trấn Sông Mã, huyện Sông Mã	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Nà Nghịu	1,931 km	2017-2021	3714-30/10/2017	57.500,000	16.040,782	41.459,218	2.500,000				2.500,000						
7	Kê bờ hữu Sông Mã đoạn từ Cầu cống đến hạ lưu 1.700m	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Nà Nghịu	1,700 km	2017-2021	3716-30/10/2017	98.900,000	5.131,978	93.768,022	7.000,000				7.000,000						
8	Cầu treo bản Tin Tộc xã Mường Sai	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Mường Sai	Dài 30 m, rộng 1,4m	2019-2020	4096-30/10/2018	1.850,000	1.079,000	722,000	722,000								722,000		
9	Nhà lớp học tiểu học cụm bản Huổi Khe xã Mường Cai	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Mường Cai	Cấp III, 02 phòng	2019-2020	3467-14/9/2018	1.400,000	609,691	754,309	754,309								754,309		

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư, đại diện chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết 30/11/2019	Nhu cầu vốn để hoàn thành dự án phần ngân sách Nhà nước	Kế hoạch vốn năm 2020										Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Nguồn bổ sung trong cân đối			Nguồn thu cấp quyền sử dụng đất	Nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ huyện thực hiện nhiệm vụ			Chương trình chính MTGG giảm nghèo bền vững	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	
											Tổng số	Hỗ trợ xây dựng nông thôn mới	Thực hiện các dự án đầu tư		Tổng số	Hỗ trợ xây dựng nông thôn mới	Hỗ trợ các xã biên giới theo QĐ 160			
10	Nhà lớp học mầm non bán Híp xã Chiềng Khương	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Chiềng Khương	Cấp III, 01 phòng	2019-2020	3469-14/9/2018	869,000	772,016	73,984	73,984								73,984		
11	Nhà lớp học Tiểu học bán Pá Nô xã Chiềng Cang	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Chiềng Cang	Cấp III, 01 phòng	2019-2020	3470-14/9/2018	668,153	400,000	258,000	258,000								258,000		
12	Nhà lớp học mầm non bán Huổi Khoang xã Nậm Mẩn	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Nậm Mẩn	Cấp III, 01 phòng	2019-2020	4084-30/10/2018	900,000	783,927	92,073	92,073								92,073		
13	Nhà lớp học mầm non bán Púng Hầy xã Nậm Mẩn	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Nậm Mẩn	Cấp III, 01 phòng	2019-2020	4084-30/10/2018	891,759	547,056	328,944	328,944								328,944		
14	Nhà lớp học mầm non bán Búa xã Chiềng Khương	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Chiềng Khương	Cấp III, 01 phòng	2019-2020	4093-30/10/2018	900,000	500,000	376,000	376,000								376,000		
15	Nâng cấp thủy lợi bán Mò xã Chiềng Khương	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Chiềng Khương	Nâng cấp	2019-2020	4097-30/10/2018	760,000	500,000	260,000	260,000								260,000		
16	Thủy lợi bán Sông xã Yên Hưng	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Yên Hưng	3,2ha	2019-2020	3934-16/10/2018	684,000	400,000	219,000	219,000								219,000		
17	Thủy lợi bán Co Tông 2 xã Chiềng En	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Chiềng En	3ha	2019-2020	3406-11/9/2018	1.873,888	973,000	798,269	798,269								798,269		
18	Nhà văn hoá bán Huổi Dắng xã Chiềng Cang	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Chiềng Cang	Cấp III, 01 tầng	2019-2020	3468-14/9/2018	746,963	400,000	275,000	275,000								275,000		
19	Nhà văn hoá bán Lũng Quai xã Chiềng Khoang	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Chiềng Khoang	Cấp III, 01 tầng	2019-2020	3783-09/10/2018	748,848	400,000	293,000	293,000								293,000		
20	Nhà văn hóa bán Nà Hạ xã Yên Hưng	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Yên Hưng	Cấp III, 01 tầng	2019-2020	3942-22/10/2018	746,581	400,000	293,000	293,000								293,000		
21	Nhà văn hóa bán Môn xã Nậm Ty	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Nậm Ty	Cấp III, 01 tầng	2019-2020	3782-09/10/2018	748,912	400,000	293,000	293,000								293,000		
22	Nhà văn hóa bán Hua Vả xã Chiềng Phung	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Chiềng Phung	Cấp III, 01 tầng	2019-2020	4098a-31/10/2018	608,060	400,000	206,060	206,060								206,060		
23	Nhà văn hoá Bán Huổi Han xã Chiềng En	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Chiềng En	Cấp III, 01 tầng	2019-2020	3465-14/9/2018	740,423	400,000	275,000	275,000								275,000		
24	Nhà văn Hoá Bán Huổi Pàn xã Chiềng En	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Chiềng En	Cấp III, 01 tầng	2019-2020	3466-14/9/2018	742,465	400,000	275,000	275,000								275,000		
25	Nhà văn hóa bán Mường Tỵ xã Mường Lầm	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Mường Lầm	Cấp III, 01 tầng	2019-2020	4086-30/10/2018	749,640	400,000	293,000	293,000								293,000		
26	Nhà văn hóa bán Huổi Tông xã Nậm Ty	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Nậm Ty	Cấp III, 01 tầng	2019-2020	4087-30/10/2018	750,000	400,000	293,000	293,000								293,000		
27	Nhà văn hóa bán Nà Sèo xã Nậm Ty	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Nậm Ty	Cấp III, 01 tầng	2019-2020	4088-30/10/2018	750,000	400,000	293,000	293,000								293,000		
28	Nhà văn hóa bán Đứa xã Nậm Ty	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Nậm Ty	Cấp III, 01 tầng	2019-2020	4089-30/10/2018	750,000	400,000	293,000	293,000								293,000		
29	Nhà văn hóa bán Pát xã Bó Sinh	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Bó Sinh	Cấp III, 01 tầng	2019-2020	4090-30/10/2018	750,000	400,000	291,000	291,000								291,000		

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư, đại diện chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bỏ từ đến hết 30/11/2019	Nhu cầu vốn để hoàn thành dự án phần ngân sách Nhà nước	Kế hoạch vốn năm 2020								Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Nguồn bổ sung trong cân đối			Nguồn thu cấp quyền sử dụng đất	Nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ huyện thực hiện nhiệm vụ				Chương trình MTGG giảm nghèo bền vững	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới
											Tổng số	Hỗ trợ xây dựng nông thôn mới	Thực hiện các dự án đầu tư		Tổng số	Hỗ trợ xây dựng nông thôn mới	Hỗ trợ các xã biên giới theo QĐ 160			
30	Nhà văn hóa bán Bó Sinh xã Bó Sinh	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Bó Sinh	Cấp III, 01 tầng	2019-2020	4091-30/10/2018	897,746	500,000	341,000	341,000							341,000			
31	Nhà văn hóa bán Nà Niêng xã Bó Sinh	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Bó Sinh	Cấp III, 01 tầng	2019-2020	4092-30/10/2018	898,960	600,000	241,000	241,000							241,000			
32	Nhà văn hóa bán Nậm Pù A xã Huổi Một	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Huổi Một	Cấp III, 01 tầng	2019-2020	4094-30/10/2018	837,040	600,000	235,040	235,040							235,040			
33	Nhà văn Hóa bán Pá Nì xã Chiềng En	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Chiềng En	Cấp III, 01 tầng	2019-2020	4095-30/10/2018	860,000	600,000	201,000	201,000							201,000			
34	Trường tiểu học Nà Nghịu(điểm trung tâm)	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Nà Nghịu	Cấp III, 02 tầng, 08 phòng	2019-2020	4041-30/10/2018	5.302,383	1.708,560	3.202,440	3.202,440								3.202,440		
35	Trường tiểu học Yên Hưng A (điểm trung tâm)	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Yên Hưng	Cấp III, 02 tầng, 06 phòng	2019-2020	4052-30/10/2018	4.077,615	1.462,687	2.536,313	2.536,313								2.536,313		
36	Lớp học điểm trường bán Pá Men trường PTĐTBT tiểu học Nậm Ty	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Nậm Ty	Cấp III, 03 phòng	2019-2020	4058-30/10/2018	2.000,000	500,000	1.360,000	1.360,000								1.360,000		
37	Trường Mầm non Hoa Lan xã Nậm Ty	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Nậm Ty	Cấp III, 02 phòng	2019-2020	4059-30/10/2018	1.700,000	400,000	1.181,000	1.181,000								1.181,000		
38	Nhà lớp học trường tiểu học Nậm Ty B (điểm trường bán Môn) xã Nậm Ty	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Nậm Ty	Cấp III, 02 phòng	2019-2020	4060-30/10/2018	1.400,000	300,000	1.002,000	1.002,000								1.002,000		
39	Trường tiểu học Mường Lầm (điểm trung tâm)	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Mường Lầm	Cấp III, 02 tầng, 08 phòng	2019-2020	4065-30/10/2018	5.327,281	1.900,000	3.224,593	3.224,593								3.224,593		
40	Trường tiểu học Chiềng En (điểm trung tâm)	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Chiềng En	Cấp III, 02 tầng 06 phòng	2019-2020	4071-30/10/2018	4.182,903	1.410,000	2.589,000	2.589,000								2.589,000		
41	Nhà lớp học mầm non bán Nà Niêng xã Bó Sinh	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Bó Sinh	Cấp III, 02 phòng	2019-2020	4075-30/10/2018	1.700,000	600,000	981,000	981,000								981,000		
42	Nhà lớp học mầm non bán Huổi Lán xã Pù Bấu	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Pù Bấu	Cấp III, 01 phòng	2019-2020	4081-30/10/2018	900,000	300,000	537,000	537,000								537,000		
43	Nhà văn hóa bán Đưa xã Chiềng Sơ	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Chiềng Sơ	Cấp III, 01 tầng	2019-2020	4043-30/10/2018	750,000	270,000	240,000	240,000								240,000		
44	Nhà văn hóa bán Đưa II xã Chiềng Sơ	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Chiềng Sơ	Cấp III, 01 tầng	2019-2020	4044-30/10/2018	707,090	270,000	240,000	240,000								240,000		
45	Nhà văn hóa bán Nà Lốc xã Chiềng Sơ	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Chiềng Sơ	Cấp III, 01 tầng	2019-2020	4045-30/10/2018	750,000	220,000	290,000	290,000								290,000		
46	Nhà văn hóa bán Nà Cẩn xã Chiềng Sơ	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Chiềng Sơ	Cấp III, 01 tầng	2019-2020	4046-30/10/2018	740,703	499,725	9,472	9,472								9,472		
47	Nhà Văn hóa bán huổi Hĩa xã Chiềng Sơ	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Chiềng Sơ	Cấp III, 01 tầng	2019-2020	4047-30/10/2018	742,737	345,821	164,179	164,179								164,179		
48	Nhà văn hóa bán Nà Tọ xã Chiềng Sơ	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Chiềng Sơ	Cấp III, 01 tầng	2019-2020	4048-30/10/2018	734,881	220,000	290,000	290,000								290,000		
49	Nhà văn hóa bán Ten Ứ xã Chiềng Sơ	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Chiềng Sơ	Cấp III, 01 tầng	2019-2020	4049-30/10/2018	701,462	299,430	210,570	210,570								210,570		

Handwritten signature

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư, đại diện chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết 30/11/2019	Nhu cầu vốn để hoàn thành dự án phần ngân sách Nhà nước	Kế hoạch vốn năm 2020									Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Nguồn bổ sung trong cân đối			Nguồn thu cấp quyền sử dụng đất	Nguồn ngân sách tính hỗ trợ huyện thực hiện nhiệm vụ			Chương trình chính MTGG giảm nghèo bền vững		Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới
											Tổng số	Hỗ trợ xây dựng nông thôn mới	Thực hiện các dự án đầu tư		Tổng số	Hỗ trợ xây dựng nông thôn mới	Hỗ trợ các xã biên giới theo QĐ 160			
50	Nhà văn hóa bán Nà Luông xã Chiềng Sơ	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Chiềng Sơ	Cấp III, 01 tầng	2019-2020	4050-30/10/2018	722,795	220,000	290,000	290,000									290,000	
51	Sân thể thao xã Chiềng Sơ	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Chiềng Sơ	4.500 m2	2019-2020	4051-30/10/2018	1.500,000	400,000	995,000	995,000									995,000	
52	Nhà văn hóa bán Nong Ke xã Huổi Một	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Huổi Một	Cấp III, 01 tầng	2019-2020	4055-30/10/2018	739,832	270,000	240,000	240,000									240,000	
53	Nhà văn hóa bán Xé xã Nậm Ty	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Nậm Ty	Cấp III, 01 tầng	2019-2020	4061-30/10/2018	750,000	270,000	240,000	240,000									240,000	
54	Nhà văn hóa bán Nà Hay xã Nậm Ty	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Nậm Ty	Cấp III, 01 tầng	2019-2020	4062-30/10/2018	750,000	270,000	240,000	240,000									240,000	
55	Nhà văn hóa bán Pán xã Nậm Ty	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Nậm Ty	Cấp III, 01 tầng	2019-2020	4063-30/10/2018	749,359	270,000	240,000	240,000									240,000	
56	Nhà văn hóa bán Nà Há xã Nậm Ty	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Nậm Ty	Cấp III, 01 tầng	2019-2020	4064-30/10/2018	750,000	270,000	240,000	240,000									240,000	
57	Nhà văn hóa bán Hịa xã Mường Lầm	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Mường Lầm	Cấp III, 01 tầng	2019-2020	4066-30/10/2018	721,039	220,000	290,000	290,000									290,000	
58	Nhà văn hóa xã Chiềng Phung	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Chiềng Phung	Cấp III, 01 tầng	2019-2020	4069-30/10/2018	1.699,895	450,000	1.131,000	1.131,000									1.131,000	
59	Nhà văn hoá bán Phổng III xã Bó Sinh	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Bó Sinh	Cấp III, 01 tầng	2019-2020	4073-30/10/2018	750,000	270,000	240,000	240,000									240,000	
60	Nhà Văn hóa bán Đưa Môn xã Đưa Môn	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Đưa Môn	Cấp III, 01 tầng	2019-2020	4077-30/10/2018	744,532	220,000	290,000	290,000									290,000	
61	Nhà văn hóa xã Chiềng Khoong	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Chiềng Khoong	Cấp III, 01 tầng	2019-2020	4083-30/10/2018	1.700,000	450,000	1.046,000	1.046,000									1.046,000	
62	Thủy lợi phai Hạ bán Nà Hạ xã Yên Hưng	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Yên Hưng	5 ha	2019-2020	4053-30/10/2018	835,547	200,000	603,602	603,602									603,602	
63	Thủy lợi bán Pong xã Yên Hưng	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Yên Hưng	3 ha	2019-2020	4054-30/10/2018	1.982,000	400,000	1.443,000	1.443,000									1.443,000	
64	Nâng cấp thủy lợi phai Nà Lầu bán Cang Nậm Mẩn	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Nậm Mẩn	8,31 ha	2019-2020	4056-30/10/2018	2.500,000	750,000	1.575,000	1.575,000									1.575,000	
65	Nâng cấp thủy lợi bán Nậm Mẩn xã Nậm Mẩn	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Nậm Mẩn	5,35 ha	2019-2020	4057-30/10/2018	1.854,219	450,000	1.317,000	1.317,000									1.317,000	
66	Thủy lợi bán Cù Bú xã Chiềng Phung	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Chiềng Phung	4ha	2019-2020	4068-30/10/2018	1.700,000	600,000	981,000	981,000									981,000	
67	Công trình thủy lợi phai Mỏ Nà Lằng xã Chiềng En	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Chiềng En	4ha	2019-2020	4072-30/10/2018	1.939,305	600,000	1.214,000	1.214,000									1.214,000	
68	Thủy lợi bán Pát xã Bó Sinh	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Bó Sinh	5ha	2019-2020	4076-30/10/2018	1.768,978	700,000	1.008,978	1.008,978									1.008,978	
69	Nâng cấp Thủy lợi Nà Lốc xã Đưa Môn	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Đưa Môn	13,5 ha	2019-2020	4079-30/10/2018	3.000,000	1.056,937	1.733,063	1.733,063									1.733,063	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư, đại diện chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết 30/11/2019	Nhu cầu vốn để hoàn thành dự án phân ngân sách Nhà nước	Kế hoạch vốn năm 2020										Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Nguồn bổ sung trong cân đối			Nguồn thu cấp quyền sử dụng đất	Nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ huyện thực hiện nhiệm vụ			Chương trình MTGG giảm nghèo bền vững	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	
											Tổng số	Hỗ trợ xây dựng nông thôn mới	Thực hiện các dự án đầu tư		Tổng số	Hỗ trợ xây dựng nông thôn mới	Hỗ trợ các xã biên giới theo QĐ 160			
70	Nâng cấp công trình thủy lợi bản Hấp xã Pù Bấu	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Pù Bấu	9 ha	2019-2020	4082-30/10/2018	2.101,339	600,000	1.446,000	1.446,000									1.446,000	
71	Nước sinh hoạt bản Ten xã Chiềng Phung	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Chiềng Phung	45 hộ	2019-2020	4070-30/10/2018	2.500,000	620,000	1.580,000	1.580,000									1.580,000	
72	Thủy lợi bản Lọng Tông, bản Co Mạ, bản Huổi, bản Cát xã Mường Hung	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Mường Hung	26 ha	2019-2020	3596-02/12/2019	9.541,000	2.700,000	5.887,000	5.887,000									5.887,000	
73	Nước sinh hoạt bản Huổi Ồi, bản Bua Xá xã Mường Hung	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Mường Hung	126 hộ	2019-2020	3599-02/12/2019	4.400,000	1.000,000	2.960,000	2.960,000									2.960,000	
74	Thủy lợi bản Ổ, bản Lon Sắn, bản Buôn Ban xã Mường Sai	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Mường Sai	20 ha	2019-2020	3597-02/12/2019	7.367,000	2.400,000	4.230,000	4.230,000									4.230,000	
75	Nước sinh hoạt bản Nà Hồ, bản Kỳ Ninh, xã Mường Sai	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Mường Sai	215 hộ	2019-2020	3600-02/12/2019	4.400,000	1.000,000	2.960,000	2.960,000									2.960,000	
76	Thủy lợi bản Huổi Khe xã Mường Cai	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Mường Cai	19 ha	2019-2020	3598-02/12/2019	3.650,000	1.000,000	2.285,000	2.285,000									2.285,000	
77	Nước sinh hoạt bản Huổi Hư, bản Sài Khao, Nà Kham, Phiêng Piêng, Nà Dòn xã Mường Cai	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Mường Cai	341 hộ + Trường THCS + Trường MN Hoa Đào + Trạm y tế xã	2019-2020	3601-02/12/2019	7.875,000	2.400,000	4.688,000	4.688,000									4.688,000	
78	Hỗ trợ làm đường giao thông nội đồng cho Hợp tác xã Nhân Chính Sớm Báo Dương	UBND xã Yên Hưng	Xã Yên Hưng	L = 1 km	2019-2020	216-04/12/2019	800,000	200,000	600,000	400,000									400,000	
79	Hỗ trợ làm đường giao thông nội đồng cho Hợp tác xã Hoa quả Tiên Cang	UBND xã Chiềng Cang	Xã Chiềng Cang	L = 0,6 km	2019-2020	161-02/12/2019	480,000	150,000	360,000	210,000									210,000	
80	Hỗ trợ làm đường giao thông nội đồng cho Hợp tác xã Co Kiếng	UBND xã Huổi Một	Xã Huổi Một	L = 1,2 km	2019-2020	145-04/12/2019	960,000	300,000	720,000	420,000									420,000	
81	Hỗ trợ làm đường giao thông nội đồng cho Hợp tác xã Toàn Thắng	UBND xã Nà Nghịu	Xã Nà Nghịu	L = 0,75 km	2019-2020	321-04/12/2019	600,000	200,000	450,000	250,000									250,000	
82	Hỗ trợ làm đường giao thông nội đồng cho Hợp tác xã Cây ăn quả Diên Việt Có Tre	UBND xã Chiềng Cang	Xã Chiềng Cang	L = 2,5 km	2019-2020	3643-03/12/2019	1.988,000	400,000	1.490,000	1.090,000									1.090,000	
83	Hỗ trợ làm đường giao thông nội đồng cho Hợp tác xã Hoa Mười	UBND xã Chiềng Khoang	Xã Chiềng Khoang	L = 1,9 km	2019-2020	3644-03/12/2019	1.508,000	300,000	1.130,000	830,000									830,000	
III	Dự án khởi công mới						70.316,423		63.894,467	48.646,168	3.900,000		3.900,000	1.000,000				10.732,378	33.013,790	
1	Nhà bán trú học sinh Trường phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học Nậm Ty (điểm trung tâm xã)	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Nậm Ty	Cấp III, 01 phòng	2019-2020	2728-10/10/2019	850,000		850,000	850,000	850,000		850,000							
2	Nhà bán trú học sinh trường Tiểu học Mường Sai	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Mường Sai	Cấp III, 01 phòng	2019-2020	2729-10/10/2019	850,000		850,000	850,000	850,000		850,000							
3	Nhà bán trú Trường tiểu học Nậm Con xã Đưa Môn	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Đưa Môn	Cấp III, 01 phòng	2019-2020	2730-10/10/2019	850,000		850,000	850,000	850,000		850,000							
4	Nhà bán trú Trường THCS xã Bó Sinh	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Bó Sinh	Cấp III, 01 phòng	2019-2020	2634-10/10/2019	850,000		850,000	850,000	850,000		850,000							
5	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND, UBND xã Mường Lầm	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Mường Lầm	Cấp III 3 tầng	2020-2022	3073-30/10/2019	9.248,299		9.248,299	500,000	500,000		500,000							

Hạt

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư, đại diện chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết 30/11/2019	Nhu cầu vốn để hoàn thành dự án phân ngân sách Nhà nước	Kế hoạch vốn năm 2020						Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	Ghi chú		
						Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Nguồn bổ sung trong cần đối			Nguồn thu cấp quyền sử dụng đất	Nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ huyện thực hiện nhiệm vụ				Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	
										Tổng số	Hỗ trợ xây dựng nông thôn mới	Thực hiện các dự án đầu tư		Tổng số	Hỗ trợ xây dựng nông thôn mới				Hỗ trợ các xã biên giới theo QĐ 160
6	Sân vận + Đường giao thông khu đất thu hồi Trung tâm giống thuộc khu 9 thị trấn Sông Mã	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Na Nghịu	Đường BTXM dài 501 m; kênh thoát lũ, san nền 8.258 m2	2020-2022	32084-30/10/2019	7.500,000		7.500,000	1.000,000									
7	Trường mầm non Hoa Phương Đỗ xã Bó Sinh	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Bó Sinh	Cấp III, 03 phòng	2020	3074-30/9/2019	2.550,000		2.476,000	2.476,000					1.630,000	846,000			
8	Trường Mầm non Hoa Mai, bản Cang, xã Năm Măn	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Năm Măn	Cấp III, 02 phòng	2020	2635-30/9/2019	1.900,000		1.870,000	1.870,000					1.870,000				
9	Nhà lớp học Tiểu học bản Huổi Co xã Mường Cai	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Mường Cai	Cấp III, 01 phòng	2020	2636-30/9/2019	800,000		775,000	775,000					775,000				
10	Nhà lớp học Tiểu học Năm Con (điểm trường) xã Đăm Mòn	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Đăm Mòn	Cấp III, 02 phòng	2020	2637-30/9/2019	1.400,000		1.366,000	1.366,000					1.366,000				
11	Thủy lợi bản Huổi Tư xã Chiềng Phung	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Chiềng Phung	4,6 ha	2020	2640-30/9/2019	2.242,378		1.892,378	1.892,378					1.892,378				
12	Thủy lợi bản Noong xã Bó Sinh	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Bó Sinh	7 ha	2020	2641-30/9/2019	2.071,007		1.679,000	1.679,000					1.679,000				
13	Nhà văn hóa bản Nà Ha xã Huổi Một	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Huổi Một	Cấp III, 01 tầng	2020	2638-30/10/2019	800,000		760,000	760,000					760,000				
14	Nhà văn hóa bản Nà Mứ xã Yên Hưng	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Yên Hưng	Cấp III, 01 tầng	2020	2369-30/10/2019	799,449		760,000	760,000					760,000				
15	Nhà lớp học tiểu học bản Huổi Kho xã Mường Cai	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Mường Cai	Cấp III, 03 phòng	2020	2653-30/9/2019	1.914,574		1.780,000	1.780,000						1.780,000			
16	Nhà lớp học trường tiểu học Chiềng Cang xã Chiềng Cang (điểm trường trung tâm)	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Chiềng Cang	Cấp III, 02 tầng, 06 phòng	2020	2654-30/9/2019	4.300,000		3.827,000	3.827,000						3.827,000			
17	Nhà lớp học tiểu học bản Pao Lán xã Yên Hưng	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Yên Hưng	Cấp III, 02 phòng	2020	2655-30/9/2019	1.300,000		1.222,000	1.222,000						1.222,000			
18	Nhà lớp học mầm non bản Sải Khao xã Mường Cai	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Mường Cai	Cấp III, 01 phòng	2020	2656-30/9/2019	899,219		801,000	801,000						801,000			
19	Lớp học mầm non bản Nong xã Bó Sinh	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Bó Sinh	Cấp III, 01 phòng	2020	2634-30/10/2019	900,000		846,000	846,000						846,000			
20	Nhà lớp học Tiểu học bản Hấp xã Pù Bấu	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Pù Bấu	Cấp III, 01 phòng	2020	2657-30/9/2019	700,000		658,000	658,000						658,000			
21	Trường mầm non Ánh Dương (điểm trường bản Mung) xã Na Nghịu	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Na Nghịu	Cấp III, 02 phòng	2020	2658-30/9/2019	1.862,812		1.458,068	1.458,068						1.458,068			
22	Thủy lợi phai Huổi Mui, bản Lon Săn xã Mường Sải	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Mường Sải	3,7 ha	2020	2659-30/9/2019	1.647,345		1.564,345	1.564,345						1.564,345			
23	Thủy lợi bản Nà Bon xã Chiềng Cang	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Chiềng Cang	4,5 ha	2020	2660-30/9/2019	1.285,538		1.205,615	1.205,615						1.205,615			
24	Thủy lợi Phai Ô bản Cát xã Mường Hung	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Mường Hung	8,4ha	2020	2661-30/9/2019	3.000,000		2.670,000	2.670,000						2.670,000			
25	Thủy lợi bản Thôn xã Chiềng Cang	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Chiềng Cang	5,6 ha	2020	2662-30/9/2019	1.500,000		1.410,000	1.410,000						1.410,000			
26	Thủy lợi Phai Luông bản Mường Tư xã Mường Lầm	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Mường Lầm	8ha	2020	2663-30/9/2019	2.500,000		2.350,000	2.350,000						2.350,000			
27	Thủy lợi Phai Khương bản Cú xã Chiềng Cang	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Chiềng Cang	6,5 ha	2020	2664-30/9/2019	2.150,000		1.935,000	1.935,000						1.935,000			
28	Thủy lợi phai bản Pá Có xã Chiềng Khương	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Chiềng Khương	12 ha	2020	2665-30/9/2019	1.383,446		1.378,000	1.378,000						1.378,000			

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư, đại diện chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết 30/11/2019	Nhu cầu vốn để hoàn thành dự án phần ngân sách Nhà nước	Kế hoạch vốn năm 2020										Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Nguồn bổ sung trong cân đối			Nguồn thu cấp quyền sử dụng đất	Nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ huyện thực hiện nhiệm vụ			Chương trình MTGG giảm nghèo bền vững	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới		
											Tổng số	Hỗ trợ xây dựng nông thôn mới	Thực hiện các dự án đầu tư		Tổng số	Hỗ trợ xây dựng nông thôn mới	Hỗ trợ các xã biên giới theo QĐ 160				
29	Thủy lợi Phai Pang bản Cù xã Đứa Mòn	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Đứa Mòn	3,6ha	2020	2666-30/9/2019	1.520,996		1.484,000	1.484,000										1.484,000	
30	Nhà văn hóa bản Tiên Chung xã Mường Sai	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Mường Sai	Cấp III, 01 tầng	2020	2642-30/10/2019	747,657		518,000	518,000										518,000	
31	Nhà văn hóa bản Ô xã Mường Sai	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Mường Sai	Cấp III, 01 tầng	2020	2643-30/10/2019	746,967		518,000	518,000										518,000	
32	Nhà văn hóa bản Nà Ngựa xã Mường Cai	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Mường Cai	Cấp III, 01 tầng	2020	2644-30/10/2019	747,092		518,000	518,000										518,000	
33	Nhà văn hóa bản Nang Cầu xã Nà Nghịu	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Nà Nghịu	Cấp III, 01 tầng	2020	2645-30/10/2019	748,233		450,000	450,000										450,000	
34	Nhà văn hóa bản Phả Thông xã Huổi Một	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Huổi Một	Cấp III, 01 tầng	2020	2646-30/10/2019	748,887		518,000	518,000										518,000	
35	Nhà văn hóa bản Pán xã Huổi Một	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Huổi Một	Cấp III, 01 tầng	2020	2647-30/10/2019	747,622		518,000	518,000										518,000	
36	Nhà văn hóa bản Ngáy xã Mường Lầm	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Mường Lầm	Cấp III, 01 tầng	2020	2648-30/10/2019	670,018		518,000	518,000										518,000	
37	Nhà văn hóa bản Cù xã Đứa Mòn	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Đứa Mòn	Cấp III, 01 tầng	2020	2649-30/10/2019	788,531		545,000	545,000										545,000	
38	Nhà văn hóa bản Hấp xã Pù Bấu	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Pù Bấu	Cấp III, 01 tầng	2020	2650-30/10/2019	721,896		524,000	524,000										524,000	
39	Nhà văn hóa bản Nuốt Cón xã Chiềng Phung	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Chiềng Phung	Cấp III, 01 tầng	2020	2651-30/10/2019	748,925		518,000	518,000										518,000	
40	Nhà văn hóa bản Cánh Kiến xã Nà Nghịu	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Nà Nghịu	Cấp III, 01 tầng	2020	2652-30/10/2019	894,248		540,000	540,000										540,000	
41	Nhà văn hóa bản Lọng Nghịu xã Nậm Ty	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Nậm Ty	Cấp III, 01 tầng	2020	3190a-30/10/2019	787,288		537,000	537,000										537,000	
42	Nhà văn hóa bản Có xã Chiềng Cang	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Chiềng Cang	Cấp III, 01 tầng	2020	3206a-30/10/2019	743,996		509,448	509,448										509,448	
43	Nhà lớp học mầm non bản Lẹ, xã Yên Hưng	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Bản Lẹ xã Yên Hưng	Cấp III, 01 phòng	2020	3207a-30/10/2019	900,000		847,314	847,314										847,314	

